

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HS-ST

Ngày: 11/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Võ Thế Duân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Đào Thị Ngọc H, sinh ngày 23/11/2000, tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú hiện nay: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Kỳ L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; chồng, con : Không; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại “có mặt”.

*** *Bị hại:***

1. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1966 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại (bà Trần Thị H1): Ông Trần Hữu N, sinh năm 1992 (con bị hại); hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương;

chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Trần Kim H2, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Cháu Trần Kim N1, sinh ngày 04/4/2017; hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại (bà Trần Kim H2, cháu Trần Kim N1): Bà Trần Kim N2, sinh năm 1995 (con bị hại “bà H2”, mẹ bị hại “cháu N1”); hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1971; hộ khẩu thường trú: Khu phố G, phường K, thị xã M, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 22/11/2019, H điều khiển xe mô tô biển số 61H1-392.44 có dung tích xilanh 109 cm³ lưu thông trên đường nhựa nhánh (không có tên đường) đi từ nhà tại ấp A, xã B đến Ủy ban nhân dân xã B để công chứng hồ sơ xin việc làm (hướng từ nhà máy nước đến đường ĐH 704). Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi H chạy xe đến ngã 3 giao nhau với đường ĐH 704, thì H mở đèn xi nhan trái và điều khiển xe chạy thẳng qua giao lộ đường ĐH 704 hướng về Ủy ban nhân dân xã B. Cùng lúc này, xe mô tô biển số 93F1-5533 do Trần Thị H1, sinh năm 1966, điều khiển, phía sau chở bà Trần Kim H2, sinh năm 1969 và cháu Trần Kim N1, sinh năm 2017, cùng cư trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương lưu thông trên đường ĐH 704 (hướng từ Ủy ban nhân dân xã B về hướng Ủy ban nhân dân xã F) chạy đến đụng vào phần giữa lốc máy xe bên trái của xe mô tô biển số 61H1-392.44 của H và làm cả hai xe mô tô ngã xuống đường. Hậu quả, bà Trần Thị H1 bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương nhưng do thương tích nặng nên bà H1 đã chết tại bệnh viện. H, bà H2 và cháu N1 bị thương, xây sát nhẹ. 02 xe mô tô hư hỏng nhẹ.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 22/11/2019, đối với vụ tai nạn giao thông nêu trên của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng thể hiện: Hiện trường đã bị xê dịch một phần do việc cấp cứu nạn nhân và phương tiện lưu thông qua lại.

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường nhựa, thẳng có ngã ba, mặt đường bằng phẳng, tầm nhìn của lái xe không bị che khuất, chiều rộng mặt đường ĐH 704 là 05m50, có vạch sơn kẻ đường dạng vạch đứt quãng, phân hai chiều đường, mỗi chiều rộng 02m25. Chiều rộng mặt đường nhánh là 04m00.

* Xác định điểm mốc và mép đường làm chuẩn:

+ Lấy trụ điện số 05, trong lề phải (hướng từ UBND xã B đi UBND xã F) làm điểm mốc chuẩn.

+ Lấy mép đường bên phải (hướng từ UBND xã B đi UBND xã F) làm mép lề chuẩn.

* Sau khi tai nạn hiện trường để lại các dấu vết như sau:

+ Xe mô tô biển số 93E1-5533: (số thứ tự 4) ngã lật qua phải, nằm trên mặt đường, đầu xe quay về hướng Ủy ban nhân dân xã F hơi chệch về lề trái, hướng Ủy ban nhân dân xã B, đi Ủy ban nhân dân xã F. Hình chiếu vuông góc của trục sau và trục trước xuống mặt đường vào lề chuẩn là 02m40 và 03m50.

+ Xe mô tô biển số 61H1-392.44 (số thứ tự 5) ngã lật qua phải, nằm ngang trên đường, đầu xe quay về hướng lề trái hướng từ Ủy ban nhân dân xã B, đi Ủy ban nhân dân xã F, hình chiếu vuông góc của trục sau và trục trước so với mặt đường vào lề chuẩn là 4m30 và 5m20.

+ Trên vạch đường có 2 vết cày. Vết cày thứ nhất (số thứ tự 2), kéo dài đến đồ gác chân trước bên phải xe mô tô biển số 93F1-5533, kích thước dài 01m75 rộng 00m 01, đầu vết cày cách lề chuẩn là 2m60. Vết cày thứ hai (số thứ tự 3) kéo dài đến đồ gác chân trước bên trái xe mô tô biển số 61H1-392.44 kích thước dài 01m00 rộng 0m01, đầu vết cày cách lề chuẩn là 3m90.

+ Trên mặt đường có ba vết máu, vết máu thứ nhất (số thứ tự 06) kích thước dài 0m50 rộng 0m40, tâm vết máu cách lề chuẩn là 01m30 và cách trục sau xe mô tô 93F1-5533 là 01m10; vết máu thứ hai (số thứ tự là 7) kích thước dài 0m33 rộng 0m22, tâm vết máu cách lề chuẩn là 02m10 và cách trục trước xe mô tô 93F1-5533 là 01m30; vết máu thứ ba (số thứ tự 8) kích thước dài 0m20 rộng 0m10, tâm vết máu cách lề chuẩn là 3m90 và cách trục sau xe mô tô 61h1-392.44 là 01m60.

+ Từ đầu vết cày thứ nhất đến đầu vết cày thứ hai là 01m30, xác định vùng và chạm đầu tiên (số thứ tự 1) có đường kính là 01m00. Tâm vùng cách lề chuẩn là 02m50, cách đầu vết cày thứ nhất là 01m40 và cách đầu vết cày thứ hai là 02m80 và cách điểm giao nhau giữa mép đường ĐH 704 với đường thẳng xuyên giữa tâm đường nhánh là 08m90.

+ Từ trục sau xe mô tô 93F1-5533 đến trục trước xe mô tô biển số 61H1-392.44 là 02m80.

+ Từ trục trước xe mô tô 93F1-5533 đến trục sau xe mô tô 61H1-392.44 là 08m85.

+ Từ trục sau và trục trước xe mô tô biển số 93 F1- 5533 đến trụ điện số 05 làm mốc chuẩn (số thứ tự 09) là 12m50 và 12m90.

+ Từ trục sau và trục trước xe mô tô 61H1-392.44 đến trụ điện số 05 (số thứ tự 9) là mốc chuẩn là 13m80 và 15m00.

* Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 22/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng thể hiện:

+ Xe mô tô biển số 61H1-392.44; nhãn hiệu Honda; màu sơn trắng, đen; số khung: RHJA 3909HY 236956; số máy JA 39E 0237061; bể đèn tín hiệu trước bên trái, bể nắp hộp bàn thờ bên trái, trầy xước mài mòn tay cầm bên phải, trầy xước mài mòn đầu gác chân trước bên phải, trầy xước mài mòn mặt ngoài bảo hiểm ống xả, cong đồ gác chân trước bên trái chiều hướng từ trước về sau.

+ Xe mô tô biển số 93F1-5533; nhãn hiệu Honda; màu sơn nâu; số khung: AMA C100F 9001449; số máy AMA C100F 9001449; bể cụm đèn trước, móp giỏ lồng bên phải vào trong, trầy xước đuôi về trước bên phải, trầy xước mặt ngoài vỏ bánh trước bên phải, móp niềng bánh trước bên phải vào trong.

Sau tai nạn Công an đã tạm giữ phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông để điều tra xử lý theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 961/GĐPY ngày 25/11/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Dương đối với tử thi Trần Thị H1, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Nhiều vết sây sát da, bầm tụ máu bên ngoài; Tụ máu dưới màng cứng; Dập não; Phù não; Xuất huyết trong cầu não, thân não; Vỡ sụn sọ phải.

2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não.

- Đối với xe mô tô biển số 61H1-392.44; nhãn hiệu Honda; màu sơn trắng, đen; số khung: RHJA 3909HY 236956; số máy JA 39E 0237061, do bị cáo H đứng tên chủ sở hữu hợp pháp điều khiển tham gia thông thông để xảy ra tai nạn nạn với lỗi vô ý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng chuyển đến Chi cục Thi Hành án dân sự huyện D đề N giao trả cho bị cáo H.

- Đối với xe mô tô biển số 93F1-5533; nhãn hiệu Honda; màu sơn nâu; số khung: AMA C100F 9001449; số máy AMA C100F 9001449. Quá trình điều tra xác định đây là xe do ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971, cư trú tại khu phố G, phường K, thị xã M, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ sở hữu. Trong quá trình sử dụng, do không còn nhu cầu sử dụng nên ông T1 đã bán lại cho người khác nhưng không làm thủ tục mua bán và sang tên theo quy định, do thời gian đã lâu nên ông T1 không nhớ đã bán cho ai. Hiện tại, ông T1 không còn yêu cầu gì đối với chiếc xe này. Quá trình điều tra, làm việc với ông Trần Hữu N, sinh năm 1992, cư trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương (là con nuôi của bị hại bà Trần Thị H1) khai nhận chiếc xe này bị hại H1 mua lại của người khác nhưng không làm giấy tờ mua bán xe và thủ tục sang tên theo quy định, sau tai nạn xe mô tô bị hư hỏng nhẹ nên ông N không yêu cầu định giá tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe này, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã chuyển đến Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đề N giao trả cho ông N (là người thừa kế theo pháp luật của bị hại bà Trần Thị H1).

- Đối với thương tích của cháu Trần Thị Kim N1, sinh ngày 04/4/2017 và bà Trần Thị Kim H2, sinh năm 1969, cùng cư trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Dương. Sau tai nạn cháu N1, bà H2 chỉ bị xây sát nhẹ nên bà Trần Kim N2, sinh năm 1995 (là mẹ ruột cháu N1) là người đại diện hợp pháp của cháu N1 và bà H2 từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bị cáo H bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, cư trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương (bà T là mẹ ruột của bị cáo H) đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Hữu N số tiền 60.000.000 đồng, hiện tại ông N không còn yêu cầu gì khác. Đồng thời, bà T cũng không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 60.000.000 đồng mà bà T đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Thu giữ và xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 61H1-392.44; nhãn hiệu Honda; màu sơn trắng, đen; số khung: RHJA 3909HY 236956; số máy JA 39E 0237061, do bị cáo H đứng tên chủ sở hữu hợp pháp nên trả lại cho bị cáo H là phù hợp quy định của pháp luật.

- Đối với xe mô tô biển số 93F1-5533; nhãn hiệu Honda; màu sơn nâu; số khung: AMA C100F 9001449; số máy AMA C100F 9001449. Quá trình điều tra xác định đây là xe do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên chủ sở hữu. Ông T1 đã bán lại cho người khác nhưng không làm thủ tục mua bán và sang tên theo quy định, do thời gian đã lâu nên ông T1 không nhớ đã bán cho ai. Hiện tại, ông T1 không còn yêu cầu gì đối với chiếc xe này. Quá trình điều tra, làm việc với ông Trần Hữu N (là con nuôi của bị hại bà Trần Thị H1) khai nhận chiếc xe này bị hại H1 mua lại của người khác nhưng không làm giấy tờ mua bán xe và thủ tục sang tên theo quy định nên giao trả cho ông N (là người thừa kế theo pháp luật của bị hại bà Trần Thị H1) là phù hợp quy định của pháp luật.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Đối với thương tích của cháu Trần Thị Kim N1, bà Trần Thị Kim H2 Sau tai nạn cháu N1, bà H2 chỉ bị xây xát nhẹ nên bà Trần Kim N2 là người đại diện hợp pháp của cháu N1, bà H2 từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bị cáo H bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đồng thời, bà N2 có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

- Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị T (bà T là mẹ ruột của bị cáo H) đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Hữu N số tiền 60.000.000 đồng, hiện tại ông N không còn yêu cầu gì khác. Đồng thời, bà T cũng không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 60.000.000 đồng mà bà T đã bồi thường cho ông N nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đồng thời, ông N cũng không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Tại bản Cáo trạng số: 72/CT-VKSĐT-HS ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đào Thị Ngọc H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đào Thị Ngọc H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản

2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Thị Ngọc H từ 20 (hai mươi) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng đến 48 (bốn mươi tám) tháng.

* Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 61H1-392.44; nhãn hiệu Honda; màu sơn trắng, đen; số khung: RHJA 3909HY 236956; số máy JA 39E 0237061, do bị cáo H đứng tên chủ sở hữu hợp pháp nên đề N trả lại cho bị cáo Cáo H.

- Đối với xe mô tô biển số 93F1-5533; nhãn hiệu Honda; màu sơn nâu; số khung: AMA C100F 9001449; số máy AMA C100F 9001449. Ông Nguyễn Văn T1 tên chủ sở hữu. Ông T1 đã bán lại cho người khác nhưng không làm thủ tục mua bán và sang tên theo quy định, do thời gian đã lâu nên ông T1 không nhớ đã bán cho ai. Hiện tại, ông T1 không còn yêu cầu gì đối với chiếc xe này. Quá trình điều tra, làm việc với ông Trần Hữu N (là người đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị H1) khai nhận chiếc xe này bị hại H1 mua lại của người khác nhưng không làm giấy tờ mua bán xe và thủ tục sang tên theo quy định nên đề nghị trả cho ông N.

* Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Đào Thị Ngọc H tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện hoàn thành chương trình học của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của bị hại và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận, khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 22/11/2019, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 61H1-392.44 có dung tích xilanh 109cm³ chưa có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định đi một mình trên tuyến đường giao nhau giữa ngã 3 đường ĐT704 (đường chính) đến Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương không quan sát nhường đường cho phương tiện lưu thông trên đường chính dẫn đến gây tai nạn cho bà Trần Thị H1 điều khiển xe mô tô biển số 93F1-5533 có dung tích xilanh 97cm³ hướng từ Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương về hướng Ủy ban nhân dân xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương. Hậu quả làm bà Trần Thị H1 chết do chấn thương sọ não.

Lời khai của bị cáo H tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 72/CT-VKSĐT-HS ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đào Thị Ngọc H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, trên đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường nhựa, thẳng có ngã 3 giao nhau, mặt đường bằng phẳng, tầm nhìn của bị cáo H khi điều khiển xe mô tô biển số 61H1-392.44 không bị che khuất, chiều rộng mặt đường là 05m50cm, có vạch sơn kẻ đường vạch đứt quãng phân hai chiều đường mỗi chiều 02m25cm, chiều rộng mặt đường chính là 04m. Mặc dù, bị cáo H có bật đèn xi nhan để báo cho phương tiện lưu thông phía sau biết khi bị cáo H rẽ phải nhưng do bị cáo H không quan sát làm xe mô tô biển số 93F1-5533 do bị hại bà Trần Thị H1 điều khiển chờ phía sau cháu N1, bà H2 đụng vào phần lốc máy bên trái xe mô tô biển số 61H1-392.44 do bị cáo H điều khiển. Hậu quả gây ra cái chết cho bị hại bà Trần Thị H1. Do đó, Hành vi của bị cáo H đã vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ. Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được Hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bất cẩn, không quan sát khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nên đã phạm tội với lỗi vô ý.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm trật tự công cộng nên cần xử lý bị cáo H mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo H đã gây ra nhằm ổn định trật tự công cộng, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mẹ ruột bị cáo H (bà T) đã chủ động và tự nguyện bồi thường chi phí mai táng cho gia đình bị hại bà H1 số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Quá trình, điều tra, truy tố người đại diện hợp pháp của bị hại bà H1 là ông N, người đại diện hợp pháp của bị hại cháu N1, bà H2 là bà N2 có đơn xin bãi nại đối với bị cáo H và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H. Ngoài ra, bị cáo H bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhà nước nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và điều luật đề nghị áp dụng đối với bị cáo H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo H có khả năng tự cải tạo nên việc cách ly bị cáo H ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét thấy, bị cáo H có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại N quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo nên cho bị cáo H hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 61H1-392.44; nhãn hiệu Honda; màu sơn trắng, đen; số khung: RHJA 3909HY 236956; số máy JA 39E 0237061, do bị cáo H đứng tên chủ sở hữu hợp pháp nên trả lại cho bị cáo H.

- Đối với xe mô tô biển số 93F1-5533; nhãn hiệu Honda; màu sơn nâu; số khung: AMA C100F 9001449; số máy AMA C100F 9001449. Do bị hại bà H1 mua lại của người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Quá trình điều tra, làm việc xác định ông Trần Hữu N (là người đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị H1) nên trả cho ông N.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập xử lý.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đào Thị Ngọc H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đào Thị Ngọc H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Đào Thị Ngọc H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2020).

Giao bị cáo Đào Thị Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Đào Thị Ngọc H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Đào Thị Ngọc H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều Điều 47 Bộ luật Hình sự, tuyên:

- Trả cho bị cáo Đào Thị Ngọc H: 01 (một) xe mô tô, biển số: 61H1-392.44, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đen; số khung: RHJA3909HY236956 (tình trạng vật chứng tại thời điểm giao nhận đã cũ, không có gương chiếu hậu bên phải).

- Trả cho ông Trần Hữu N: 01 (một) xe mô tô biển số 93F1-5533, nhãn hiệu Honda, màu sơn nâu; số khung: AMC100F9001449; số máy AMAC100E9001449 (tình trạng vật chứng tại thời điểm giao nhận đã cũ, không có gương chiếu hậu).

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/9/2020).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đào Thị Ngọc H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 11/9/2020).

Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. D;
- PV 27-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty